TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2018/DS-ST
Ngày: 31-10-2018
V/v tranh chấp "*Hợp đồng hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hồng.

Ông Đặng Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 356/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp "*Hợp đồng hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh V, sinh năm 1959; (có mặt).

Cư trú: Ấp T2, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ P, sinh năm 1977; (có mặt).

Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1977; (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp T1, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà trình bày Võ Thị Thanh V:

Bà có làm chủ dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, gồm 24 hụi viên, mở hụi ngày 10/7/2016 kết thúc ngày 10/6/2018. Bà P tham gia 02 phần. Bà P lĩnh hụi phần thứ nhất vào ngày 10/12/2016, giá mở hụi 1.210.000 đồng. Sau khi trừ hoa hồng 3.000.000 đồng, số tiền hụi bà P lĩnh được 205.220.00 đồng, trừ lại 01 phần hụi chưa lĩnh 8.790.000 đồng nên số tiền hụi bà P nhận là 196.430.000 đồng. Bà giao số tiền hụi cho bà P ngày 12/12/2016, khi giao có lập biên nhận do bà P ký tên bà và tên ông T vào biên nhận; phần hụi còn lại bà P lĩnh hụi vào ngày 10/02/2017, giá mở hụi 1.120.000 đồng, sau khi trừ hoa hồng 3.000.000

đồng, số tiền hụi bà P lĩnh được 209.080.00 đồng, trừ lại 01 phần hụi chết 10.000.000 đồng nên số tiền bà P nhận là 199.080.000 đồng. Bà giao số tiền hụi cho bà P vào ngày 12/02/2017, khi giao có lập biên nhận và bà P ký tên bà và tên ông T vào biên nhận. Sau khi lĩnh hết 02 phần hụi, bà P có góp được thêm 02 kỳ tháng 3/2017 và tháng 4/2017 thì ngưng góp. Từ tháng 5/2017 đến khi kết thúc hụi (tháng 6/2018) là 14 kỳ bà P không góp huin lại cho bà với tổng số tiền 280.000.000 đồng. Hàng tháng bà phải góp thay cho bà P số tiền hụi bà P không góp. Hiện nay, dây hụi này đã mãn hụi. Bà đã góp thay bà P tổng cộng 280.000.000 đồng để hằng tháng giao lại cho các hụi viên khác. Khi đó, bà P có tham gia dây hụi 3.000.000 đồng/tháng do người khác làm chủ, bà P góp được 07 lần. Sau khi bà P tuyên bố vỡ nợ nên có thỏa thuận với bà là giao lại cho bà dây hụi 3.000.000 đồng này và bà đã tiếp nhận dây hụi này. Khi bà nhận phần hụi này của bà P thì bà được hưởng số tiền 21.000.000 đồng (07 lần x 3.000.000 đồng) nên bà đồng ý trừ số tiền này vào số tiền hụi bà P còn nợ bà. Vì vậy, hiện tại bà P còn nợ bà tổng số tiền hụi 259.000.000 đồng. Nay, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ P cùng chồng là ông Nguyễn Hữu T có trách nhiệm liên đới trả bà số tiền hụi còn nợ 259.000.000 đồng.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ P trình bày:

Bà có tham gia hụi với bà V 02 phần hụi của dây hụi 10.000.000 đồng/tháng. Bà có nhận tiền hụi từ bà V giao cho bà hai lần: lần 01 với số tiền là 196.430.000 đồng vào ngày 12/12/2016, bà V tính hoa hồng là 30% cộng thêm bà chịu lời của mỗi phần hụi là 12,1%; lần 02: bà V giao hụi cho bà vào ngày 12/02/2017 với số tiền là 199.080.000 đồng, bà V cũng tính hoa hồng 30%, cộng thêm bà phải chịu lời 11,2%.

Tất cả số tiền bà nhận đều do bà V tính và ghi vào giấy. Bà nhận tiền hụi tổng cộng 02 lần là 395.510.000 đồng. Hàng tháng, bà đều góp hụi lại cho bà V. Bà góp cho bà V từ tháng 10/7/2016 đến 10/4/2017 là 200.000.000 đồng. Từ ngày 10/5/2017, bà có thỏa thuận với bà V mỗi tháng bà sẽ trả cho bà V số tiền 1.000.000 đồng, bà V đã đồng ý và nhận tiền. Tổng cộng số tiền bà đã trả cho bà V 221.000.000 đồng. Hiện tại, bà chỉ còn nợ bà V 174.510.000 đồng (395.510.000 đồng – 221.000.000 đồng). Bà xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết số tiền 174.510.000 đồng.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày: Việc giao dịch hụi giữa vợ ông là bà P với bà V ông không biết, ông không ký tên vào biên nhận. Tuy nhiên, ông cũng đồng ý trả nợ cho bà V nhưng hiện tại ông không có khả năng trả một lần, ông xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết số nợ theo bản án của Tòa án.

Tại phiên tòa,

Bà V trình bày: Bà làm chủ dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, gồm 24 thành viên tham gia góp hụi, mỗi tháng mở hụi một lần. Đến kỳ mở hụi, hụi viên nào trả lãi cao nhất sẽ được lĩnh hụi. Bà có nhiệm vụ thu tiền hụi của các hụi viên và giao lại cho người được lĩnh hụi và bà được hưởng hoa hồng cho mỗi lần mở hụi

3.000.000 đồng. Các hụi viên sau khi lĩnh hụi có nghĩa vụ góp tiền hụi lại cho mỗi kỳ mở hụi là 10.000.000 đồng để bà giao lại cho hụi viên lĩnh hụi ở các lần mở hụi tiếp theo. Bà P đã lĩnh hụi nhưng lại không góp hụi lại cho bà như thỏa thuận nên bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà đồng ý cho bị đơn trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi hết số nợ.

Bà P trình bày: Bà tham gia hụi do bà V làm chủ, hàng tháng bà có góp hụi cho bà V đến kỳ mở hụi ngày 10/5/2017 thì ngưng không góp. Tổng số tiền bà góp cho bà V 200.000.000 đồng. Bà nhận tiền hụi do bà V giao 02 lần tổng cộng 395.510.000 đồng, mỗi lần lĩnh hụi bà đều trả lãi cho các hụi viên chưa lĩnh hụi và có trả tiền hoa hồng cho bà V. Do bà nhận tiền hụi từ bà V giao 02 lần tổng cộng 395.510.000 đồng và hàng tháng bà có góp hụi cho bà V tổng số tiền góp được 200.000.000 đồng và sau đó bà có trả dần cho bà V được 21.000.000 đồng nên hiện tại bà chỉ còn nợ bà V 174.510.000 đồng. Vì vậy, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà V, bà chỉ đồng ý trả cho bà V 174.510.000 đồng nhưng xin được trả dẫn mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết số nợ.

Ông T trình bày: Ông không biết số tiền hụi mà vợ ông còn nợ bà V cụ thể là bao nhiêu. Ông đồng ý cùng vợ trả nợ cho bà V nhưng hiện tại ông không có khả năng trả một lần do ông còn phải chăm lo các chi phí sinh hoạt trong gia đình, ông xin được trả dẫn mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết số nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bà V khởi kiện tranh chấp hợp đồng hụi với bị đơn có nơi cư trú ấp Thị 1, xã Hội An huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. *Về nội dung:*

Giữa bà V với bà P có xác lập hợp đồng góp hụi, có lập thành văn bản theo giấy hụi do bà V lập và khi giao nhận tiền lĩnh hụi bà P có ký tên nhận tiền vào các biên nhận ngày 12/12/2016 và 12/02/2017. Việc xác lập giao dịch này được các bên thừa nhận, xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày, các biên nhận do nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bà P có cơ sở xác định giao dịch hụi giữa bà V với các hụi viên trong dây hụi này là hụi hưởng hoa hồng và bà P có tham gia góp hụi và lĩnh hụi như V trình bày.

Xét thấy, giao dịch hụi giữa các đương sự là hụi hưởng hoa hồng nên khi hụi viên đã lĩnh hụi thì hàng tháng hụi viên phải có nghĩa vụ góp phần hụi lại cho chủ hụi để chủ hụi giao lại cho hụi viên ở lần mở hụi của những kỳ tiếp theo. Bà P đã lĩnh hụi nhưng bà lại không thực hiện nghĩa vụ góp phần hụi như

thỏa thuận nên mỗi kỳ mở hụi bà V đều phải góp thay cho bà P các phần hụi để giao cho các hụi viên khác từ kỳ mở hụi tháng 5/2017 đến khi kết thúc hụi 10/6/2018 là 14 kỳ của 02 phần hụi với tổng số tiền là 280.000.000 đồng. Bà V đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của chủ hụi nhưng bà P đã vi phạm nghĩa vụ của hụi viên. Do đó, bà V yêu cầu bà P hoàn trả số tiền hụi mà bà đã góp thay cho bà P là phù hợp Điều 280, 471 Bộ luật dân sự và Điều 28, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

Trách nhiệm liên đới: Tuy ông T không tham gia giao dịch hụi với bà V nhưng ông T đồng ý cùng bà P trả nợ theo yêu cầu của bà V. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông T có trách nhiệm liên đới cùng với bà P trả cho bà V số tiền hụi còn nợ là phù hợp Điều 288 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xét đến.

Bị đơn xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết số nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý mà chỉ đồng ý mức trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để công nhận. Để tạo điều kiện cho bị đơn có khả năng trả nợ, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn. Tuy nhiên, việc trả nợ dài hạn cụ thể ra sao sẽ do Cơ quan Thi hành án dân sự giải quyết theo thẩm quyền.

[3]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà P, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 26, 35, 39, 92, 144, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 280, 288, 471 Bộ luật dân sự;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thanh V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ P và ông Nguyễn Hữu T.

Buộc bà Nguyễn Thị Lệ P và ông Nguyễn Hữu T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Võ Thị Thanh V số tiền 259.000.000 *(hai trăm năm mươi chín triệu)* đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Lệ P và ông Nguyễn Hữu T có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 12.950.000 *(mười hai triệu chín trăm năm mươi nghìn)* đồng.

Bà Võ Thị Thanh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.475.000 đồng *(sáu triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền số 0000071 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 21 tháng 8 năm 2018.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THA dân sự Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.

Lại Hiệp Phong